

Bản án số: 43/2021/HS-ST
Ngày: 12-07-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Ký.

Ông Nguyễn Kim S.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/HSST-QĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Lương Văn Th, sinh ngày 11/5/1998 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn Ch và bà Lang Thị L; Tiền sự, tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2021, đến nay. Có mặt.

Người bào chữa: Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Bị hại:

1. Ông Vi Văn T - Sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Vi Văn L - Sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Vi Văn X - Sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

4. Ông Vi Đức H - Sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Lữ Văn Kh - Sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

6. Ông Hà Văn Ngọ - Sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn T, xã X, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

7. Anh Hà Văn S - Sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn T, xã X, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

8. Anh Lê Bá Ch - Sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn T, xã X, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

9. Anh Vi Văn T - Sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn T, xã X, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

10. Chị Vi Thị Th - Sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn B, xã X, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt ông T, ông H, anh Kh, ông Ngọ, anh S, anh Ch, anh T, chị Th; Vắng mặt anh L, anh X (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 09/2019, Lương Văn Th, sinh năm 1998 ở tại thôn C, xã L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa có đến nhà anh Vi Văn L, sinh năm 1982, anh Vi Văn X, sinh năm 1975, ông Vi Đức H, sinh năm 1969 đều ở tại thôn Chiềng Cà, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân để nhận công trình cơ khí làm cửa và mái tôn cho các hộ gia đình trên; Quá trình giả vờ đo đạc, bàn bạc Th có đề nghị các hộ gia đình cho Th ứng tiền để mua vật liệu lần lượt là: Anh L số tiền 10.000.000đ, anh X số tiền là 12.000.000đ, ông H số tiền là 10.000.000đ; Tuy nhiên đến nay Th không đến nhà các hộ gia đình trên để thi công công trình đã nhận và cũng không hoàn trả lại những số tiền đã ứng cho các hộ trên; Th đã chiếm đoạt số tiền của các hộ trên dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân; do đó các hộ gia đình nói trên đã làm đơn tố cáo, đề nghị xử lý hành vi của Th đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Như Xuân. (BL 01->05)

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, lấy lời khai và hỏi cung Lương Văn Th khai nhận:

Vào năm 2017, Th có mở xưởng và làm nghề thi công các công trình cơ khí, cửa, hàng rào sắt và mái tôn cho các hộ dân trên địa bàn các xã thuộc huyện Như Xuân. Đến năm 2018, do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nơi, Th không còn máy móc, không còn khả năng thi công các công trình nữa, Th nảy sinh ý định lừa đảo nhận thi công các công trình cơ khí, cửa, hàng rào sắt và mái tôn và nhận cung ứng vật liệu xây dựng cho các hộ gia đình trên địa bàn xã Thanh Quân và xã Thanh Xuân sau đó ứng tiền mua vật liệu và chiếm đoạt số tiền này. Khi nhận được công trình,

Th tiến hành giả vờ đo đạc, tính toán xem các công trình cơ khí, cửa, hàng rào sắt và mái tôn sẽ phải dùng hết bao nhiêu vật liệu nhằm tạo sự tin tưởng, sau đó Th nêu lên lý do là cần tiền mua vật liệu nên sẽ ứng trước một số tiền để mua vật liệu và chiếm đoạt số tiền này. Trong quá trình thỏa thuận, đo đạc nhận công trình, Th còn đưa ra thông tin là cho nợ trả góp trong vòng 01 năm, sau khi ứng tiền thì 04 ngày sẽ có vật liệu, 08 ngày sẽ thi công xong công trình nhưng thực chất Th chỉ đưa thông tin vậy để các hộ gia đình thêm tin tưởng và cho Th ứng tiền trước, chứ Th không có ý định sẽ mua vật liệu và thi công công trình cho các hộ gia đình. Khi các hộ gia đình có thúc giục việc thi công thì Th đã không còn làm nghề, cũng không có khả năng để thi công các công trình này nữa. Th nêu ra một số lý do cho việc Th chưa thi công các công trình mái tôn là xe chở vật liệu đang bị sa lầy, chưa lên được, cần thời gian để thuê cầu cầu xe lên, hoặc cửa hàng mua vật liệu đang hết hàng, chưa mua được vật liệu Tất cả số tiền Th đã ứng, sau đó chiếm đoạt đều dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Quá trình điều tra xác định Th đã ứng, sau đó chiếm đoạt số đã ứng của các hộ gia đình, cụ thể như sau: (BL 51->83)

1. Vào khoảng tháng 09/2018, Th nhận thi công công trình mái tôn cho gia đình ông Vi Văn T, sinh năm 1969 ở tại thôn Lâu Quán, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân. Sau khi đo đạc, Th lấy lý do cần tiền mua vật liệu nên Th đã ứng của gia đình ông T số tiền là 8.500.000đ. Sau đó Th không thi công công trình mái tôn cho gia đình ông T và chiếm đoạt số tiền 8.500.000đ để tiêu xài cá nhân;

2. Vào khoảng tháng 09/2019, Th nhận thi công công trình mái tôn cho gia đình anh Vi Văn L, sinh năm 1982, ở tại thôn Chiềng Cà, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, gia đình anh Vi Văn X, sinh năm 1975 ở tại thôn Chiềng Cà, xã Thanh Quân, gia đình ông Vi Đức H, sinh năm 1969 ở tại thôn Kẽ Lạn, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân. Sau khi đo đạc, Th lấy lý do cần tiền mua vật liệu nên đã ứng của gia đình anh L số tiền là 10.000.000đ, gia đình anh X số tiền là 12.000.000đ, gia đình ông H số tiền là 10.000.000đ. Sau đó Th không thi công công trình mái tôn và chiếm đoạt số tiền của các gia đình nói trên để tiêu xài cá nhân;

3. Vào khoảng tháng 10/2020 đến tháng 12/2020, Th nhận thi công công trình mái tôn cho gia đình anh Lữ Văn Kh, sinh năm 1982 ở tại thôn Lâu Quán, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, gia đình anh Vi Văn T, sinh năm 1988, ở tại thôn Thanh T, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, gia đình ông Hà Văn Ngo, sinh năm 1967 ở tại thôn Thanh T, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, gia đình anh Lê Bá Ch, sinh năm 1990, ở tại thôn Thanh T, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, gia đình anh Hà Văn S, sinh năm 1973, ở tại thôn Thanh T, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, gia đình chị Vi Thị Thanh, sinh năm 1979, ở tại thôn Thanh Bình, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân. Sau khi đo đạc, Th lấy lý do cần tiền mua vật liệu nên đã ứng của gia đình anh Kh số tiền là 8.000.000đ, gia đình anh T số tiền là 3.500.000đ, gia đình ông Ngo số tiền là 4.500.000đ, gia đình anh Ch số tiền là 8.500.000đ, gia đình anh S số tiền là 2.000.000đ, gia đình chị Th số tiền là 2.500.000đ. Sau đó Th không thi công công trình mái tôn và chiếm đoạt số tiền của các gia đình nói trên để tiêu xài cá nhân;

Tổng số tiền Th đã ứng, sau đó chiếm đoạt của các gia đình nêu trên là 69.500.000đ.

Quá trình điều tra, đại diện gia đình các bị hại khai báo như sau:

- *Gia đình ông Vi Văn T:* Do có nhu cầu nên gia đình ông T đã thuê Th thi công mái tôn cho gia đình. Ngày 19/09/2018, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình nhà ông T hết 13.000.000đ; Th hẹn 01 tuần sau sẽ có vật liệu và sẽ thi công xong mái tôn cho gia đình ông; Sau đó Th xin ứng trước 5.000.000đ để mua vật liệu, do tin tưởng nên gia đình ông đã đưa số tiền nói trên cho Th; Đến ngày 27/09/2018, Th gặp và nói với ông T là “*xe chở vật liệu đã đến UBND xã Thanh Quân, do chưa đủ tiền trả tiền vật liệu nên xe chưa chở vào*”, và xin ứng thêm 3.500.000đ để đi trả tiền cho xe vật liệu, nhưng sau đó thì không thấy Th quay lại và cũng không thấy xe chở vật liệu đến; Ông đã thúc giục nhiều lần nhưng đến nay cũng không thấy Th đến thi công mái tôn cho gia đình và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình ông T mặc dù ông đã đòi nhiều lần; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 8.500.000đ của gia đình ông. (BL 162->172)

- *Gia đình anh Vi Văn L:* Do có nhu cầu nên gia đình anh L đã thuê Th thi công mái tôn cho gia đình. Vào ngày 01/09/2019, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình nhà anh L hết 16.000.000đ; Sau đó Th xin ứng trước 10.000.000đ để mua vật liệu, do tin tưởng nên gia đình anh L đã cho Th ứng số tiền là 2.000.000đ, đến chiều cùng ngày Th xin ứng thêm số tiền 8.000.000đ, anh L đồng ý và đưa tiền cho Th; Th hẹn đến ngày 04/09/2019 sẽ có vật liệu, đến ngày 08/09/2019 sẽ thi công xong mái tôn cho gia đình anh L; Đến khoảng 09 giờ ngày 04/09/2019, Th gặp và nói anh L là “*xe chở vật liệu đang bị sa lầy ở đường Thanh Lâm ra Lâm Chính - Thanh Xuân nên không lên được, Th đang đi thuê máy kéo lên*”, nhưng đến chiều vẫn không thấy xe vật liệu và Th lên; Anh đã thúc giục nhiều lần nhưng đến nay cũng không thấy Th đến thi công mái tôn cho gia đình và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình anh; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 10.000.000đ của gia đình anh. (BL 84->92, 116, 117)

- *Gia đình anh Vi Văn X:* Do có nhu cầu nên gia đình anh đã thuê Th thi công mái tôn và cửa kéo nhà chính cho gia đình. Vào ngày 01/09/2019, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình nhà anh hết 26.000.000đ; Th sẽ mua vật liệu, làm cho gia đình anh và cho gia đình anh nợ một nửa, còn lại trả sau; Sau đó Th xin ứng trước 12.000.000đ để mua vật liệu, do tin tưởng nên gia đình anh đã đưa cho Th ứng trước số tiền này; Th hẹn đến ngày 04/09/2019 sẽ có vật liệu, đến ngày 08/09/2019 sẽ thi công xong mái tôn cho gia đình anh. Đến sáng ngày 04/09/2019, anh X gọi điện thì Th nói là “*xe chở vật liệu đang bị sa lầy ở đường Thanh Lâm ra Lâm Chính - Thanh Xuân nên không lên được, Th đang đi thuê máy kéo lên*”, nhưng đến trưa vẫn không thấy xe vật liệu và Th lên; Anh đã thúc giục nhiều lần nhưng đến nay cũng không thấy Th đến thi công mái tôn và cửa sắt cho gia đình và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình anh; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 12.000.000đ của gia đình anh. (BL93->100)

- *Gia đình ông Vi Đức H:* Do có nhu cầu nên gia đình ông đã thuê Th thi công mái tôn và cửa sắt cho gia đình. Vào cuối tháng 08/2019 đến đầu 09/2019, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình nhà ông hết 14.000.000đ; Sau đó vào ngày 02/09/2019, Th xin ứng trước 10.000.000đ để mua vật liệu, do tin tưởng nên gia đình ông đã đưa cho Th ứng trước số tiền này; Th hẹn 03 đến 04 ngày sau sẽ có vật liệu và sẽ thi công xong mái tôn cho gia đình ông; Đến 03 đến 04 ngày sau, ông H nhờ anh X gọi điện thì Th nói là “*xe chở vật liệu đang bị*

sa lấy ở đường Thanh Lâm ra Lâm Chính - Thanh Xuân nên không lên được, Th đang đi thuê máy kéo lên”, nhưng mãi vẫn không thấy xe vật liệu và Th lên. Ông đã thúc giục nhiều lần nhưng đến nay cũng không thấy Th đến thi công mái tôn và cửa sắt cho gia đình và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình ông mặc dù anh đã đòi nhiều lần; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 10.000.000đ của gia đình ông. (BL 101->108)

- Gia đình anh Lữ Văn Kh: Do có nhu cầu nên gia đình anh đã thuê Th thi công mái tôn cho gia đình. Ngày 13/11/2020, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình nhà anh Kh hết 13.000.000đ; Th nói là sẽ cho gia đình anh trả góp. Sau đó, vào ngày 02/09/2019, Th xin ứng trước 6.000.000đ để mua vật liệu, do tin tưởng nên gia đình anh đã đưa cho Th ứng trước số tiền này; Th hẹn đến chiều ngày 14/11/2020 sẽ có vật liệu và sẽ thi công xong mái tôn cho gia đình anh; Đến chiều ngày 14/11/2020, Th lại đến nhà anh đề nghị ứng thêm 2.000.000đ và hẹn cùng ngày sẽ có vật liệu, anh Kh đồng ý và đưa tiền cho Th nhưng chiều cùng ngày cũng không thấy Th lên làm cho gia đình anh; Anh có thúc giục nhiều lần nhưng Th lấy rất nhiều lý do và không thi công mái tôn cho gia đình anh; Đến nay cũng không thấy Th đến thi công mái tôn cho gia đình và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình anh mặc dù anh đã đòi nhiều lần; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 8.000.000đ của gia đình anh. (BL 109->115)

- Gia đình ông Hà Văn Ng: Do có nhu cầu sửa bếp cho gia đình, nên vào ngày 22/10/2020, khi gặp Th bên nhà anh Lương (hàng xóm của ông Ng) và biết Th có thể cung cấp vật liệu xây dựng, ông Ng muốn mua 3000 gạch, 03 tấn xi măng, 06 cây thép; Th tính tổng tiền vật liệu ông muốn mua hết 8.500.000đ và cho ông nợ một nửa tiền; Ông Ng nói phải bán lợn mới có tiền đưa trước cho Th một ít; Th gọi người đến bán lợn nhà ông Ng được 6.000.000đ và cầm lấy 4.500.000đ, số tiền còn lại đưa cho ông Ng; Th nói 4.500.000đ là tiền ứng trước để mua vật liệu, hẹn chiều cùng sẽ chở vật liệu đến cho ông. Ông đã thúc giục nhiều lần nhưng Th nói xe chở vật liệu bị hỏng, đang phải sửa, xong sẽ chở vật liệu đến cho gia đình ông; Đến nay cũng không thấy Th chở vật liệu xây dựng đến và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình ông mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 4.500.000đ của gia đình ông. (BL 120->125)

- Gia đình anh Hà Văn S: Do có nhu cầu nên gia đình anh đã thuê Th thi công mái tôn cho gia đình. Trưa ngày 22/10/2020, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình nhà anh S hết 11.000.000đ; Th nói là sẽ cho gia đình anh trả góp; Th xin ứng trước 2.000.000đ để mua vật liệu, còn lại cho nợ, do tin tưởng nên gia đình anh đã đưa cho Th ứng trước số tiền này, Th hẹn chiều cùng ngày sẽ chở vật liệu đến và thi công cho anh. Đến ngày 24/10/2020, Th đến nhà anh nói là trời đang mưa nên xe vật liệu chưa lên được và cho anh xem thêm mấy mẫu tôn; Anh có gọi điện thúc giục nhiều lần nhưng không thấy Th nghe máy; Đến nay cũng không thấy Th chở vật liệu đến thi công và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình anh mặc dù anh đã đòi nhiều lần. Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 2.000.000đ của gia đình anh. (BL 126->131)

- Gia đình anh Lương Văn N: Do có nhu cầu nên gia đình anh đã thuê Th thi công mái tôn cho gia đình. Vào khoảng 10/2020, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình. Th tính công trình nhà anh N hết 6.000.000đ. Th nói là sẽ cho

gia đình anh trả góp. Th xin ứng trước một nửa để mua vật liệu, còn lại cho nợ, do tin tưởng nên gia đình anh đã đưa cho Th ứng trước số tiền 1.000.000đ. Th hẹn khoảng 02 đến 03 ngày tới sẽ chở vật liệu đến cho anh và thi công mái tôn cho gia đình anh; Anh có gọi điện thúc giục nhiều lần nhưng không thấy Th nghe máy; Đến nay cũng không thấy Th chở vật liệu đến thi công và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình anh mặc dù anh đã đòi nhiều lần; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 1.000.000đ của gia đình anh. (BL 126->131)

- *Gia đình anh Lê Bá Ch:* Do có nhu cầu nên gia đình anh đã thuê Th thi công mái tôn nhà và trần nhà cho gia đình. Vào khoảng cuối 10/2020, Th tính công trình nhà anh Ch hết khoảng 80.000.000đ; Th nói là sẽ cho gia đình anh trả góp; Th xin ứng trước tiền để mua vật liệu, còn lại cho nợ, do tin tưởng nên gia đình anh đã đưa cho Th ứng trước số tiền 8.500.000đ; Th hẹn ngày hôm sau sẽ chở vật liệu đến cho anh và thi công mái tôn cho gia đình anh; Hôm sau anh gọi thì Th báo là “*xe chở vật liệu bị hỏng giữa đường, chưa lên được*”, tiếp tục chờ nhưng mấy ngày sau vẫn không thấy Th và xe chở vật liệu lên; Anh có gọi điện thúc giục thi công nhiều lần nhưng không thấy Th nghe máy; Đến nay cũng không thấy Th chở vật liệu đến thi công và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình anh mặc dù anh đã đòi nhiều lần; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 8.500.000đ của gia đình anh. (BL 140->144, 160, 161)

- *Gia đình anh Vi Văn T:* Do có nhu cầu nên gia đình anh đã thuê Th thi công mái tôn cho gia đình. Vào ngày 22/10/2020, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình mái tôn nhà anh T hết khoảng 19.000.000đ; Th nói là sẽ cho gia đình anh trả góp; Th xin ứng trước tiền để mua vật liệu, còn lại cho nợ, do tin tưởng nên gia đình anh đã đưa cho Th ứng trước số tiền 3.500.000đ; Th hẹn ngày hôm sau sẽ chở vật liệu đến cho anh và thi công mái tôn cho gia đình anh; Hôm sau anh gọi thì Th báo là “*xe chở vật liệu bị hỏng giữa đường, chưa lên được*”, tiếp tục chờ nhưng mấy ngày sau vẫn không thấy Th và xe chở vật liệu lên; Anh có gọi điện thúc giục nhiều lần nhưng không thấy Th nghe máy; Đến nay cũng không thấy Th chở vật liệu đến thi công và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình anh mặc dù anh đã đòi nhiều lần; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 3.500.000đ của gia đình anh. (BL 145->152)

- *Gia đình chị Vi Thị Th:* Do có nhu cầu nên gia đình chị đã thuê Th thi công hệ thống cửa và rào sắt cho gia đình. Vào ngày 04/12/2020, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình nhà chị Th hết khoảng 10.000.000đ; Th xin ứng trước tiền để mua vật liệu, còn lại cho nợ, do tin tưởng nên gia đình chị đã đưa cho Th ứng trước số tiền 2.500.000đ; Th hẹn 10 ngày sau sẽ chở vật liệu đến cho gia đình chị và thi công mái tôn cho gia đình; Chị có gọi điện thúc giục nhiều lần nhưng không thấy Th nghe máy; Đến nay cũng không thấy Th chở vật liệu đến thi công và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình chị mặc dù chị đã đòi nhiều lần; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 2.500.000đ của gia đình chị. (BL 155->159)

Đối với gia đình anh Lương Văn N: Do có nhu cầu nên gia đình anh đã thuê Th thi công mái tôn cho gia đình. Vào khoảng 10/2020, Th tiến hành đo đạc, tính toán vật liệu cho công trình; Th tính công trình nhà anh N hết 6.000.000đ; Th nói là sẽ cho gia đình anh trả góp; Th xin ứng trước một nửa để mua vật liệu, còn lại cho

nợ, do tin tưởng nên gia đình anh đã đưa cho Th ứng trước số tiền 1.000.000đ, Th còn bắt thêm 02 con ngân trị giá 400.000đ (tính luôn vào số tiền Th ứng); Th hẹn khoảng 02 đến 03 ngày tới sẽ chở vật liệu đến cho anh và thi công mái tôn cho gia đình anh; Anh có gọi điện thúc giục nhiều lần nhưng không thấy Th nghe máy; Đến nay cũng không thấy Th chở vật liệu đến thi công và cũng không mang tiền đến trả lại cho gia đình anh mặc dù anh đã đòi nhiều lần; Th đã chiếm đoạt tổng số tiền là 1.400.000đ của gia đình anh. Do số tiền chiếm đoạt lần này của Th dưới 2.000.000đ, chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với hành vi này của Th; Cơ quan điều tra đã đề nghị Công an huyện Xuân xử lý vi phạm hành chính đối với Th. (BL 126->131)

Đối với ông Vi Văn S, sinh năm 1967, ở tại thôn Chiềng Cà, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, ông S có nhu cầu sửa lại cổng nhà và do quen biết từ trước nên ông đã gọi cho Th đến nhận sửa lại cổng, nhưng do công trình nhỏ và ít tiền nên Th không nhận thi công; Sau đó Th có vay ông S số tiền 200.000đ và đã trả lại đủ số tiền này cho ông; Do đó Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự hành vi này của Th. (BL 173->175)

Đối với ông Lương Văn Ch, bà Lang Thị L (là bố mẹ đẻ của Th): trong khoảng thời gian từ 09/2018 đến trước khi bị tố cáo về hành vi phạm tội, Th có đưa về một số tiền để ông bà trả nợ mà Th đã nhờ ông bà đi vay, ông bà không biết nguồn gốc số tiền mà Th đưa về, cũng không biết số tiền này do Th phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với ông Ch và bà L. (BL 71, 72, 176->179)

Đối với việc một số bị hại khai có một số lần Th đi nhận thi công công trình cơ khí, mái tôn có đi cùng với một số người đàn ông lạ; Quá trình điều tra, Th không nhớ là đã đi với những ai, tên tuổi, địa chỉ ở đâu nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác định những người đã đi cùng Th có phải là đồng phạm của Th hay không, khi có đủ căn cứ sẽ điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

*** Về dân sự:**

- Đại diện gia đình các bị hại đều yêu cầu Lương Văn Th phải trả lại số tiền mà Th đã ứng mua vật liệu cho các công trình mà Th đã nhận, sau đó chiếm đoạt để dùng vào mục đích cá nhân;

- Đối với gia đình ông Vi Văn T, khoảng cuối tháng 09/2019, bà Lang Thị L (mẹ đẻ của Th) đã thay mặt Th trả lại cho ông T số tiền 500.000đ.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKSNX ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố Lương Văn Th về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa và tại các đơn yêu cầu bồi thường, những người bị hại đều yêu cầu Tòa án buộc bị cáo Lương Văn Th phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho họ, cụ thể như sau: Ông Vi Văn T yêu cầu bồi thường 8.500.000 đồng, anh Vi Văn L yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng, anh Vi Văn X yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng, ông Vi Đức H yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng, anh Lữ Văn Kh yêu cầu bồi thường 8.000.000 đồng, ông Hà Văn Ng yêu cầu bồi thường 4.500.000 đồng, anh Hà Văn S yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng, anh Lê Bá Ch yêu cầu bồi thường 8.500.000 đồng, anh Vi Văn T yêu cầu bồi thường 3.500.000 đồng, chị Vi Thị Th

yêu cầu bồi thường 2.500.000 đồng. Bên cạnh đó, các bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lương Văn Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vấn đề bồi thường giữa bị cáo với các bị hại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Lương Văn Th đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn Th với mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vấn đề dân sự và đề nghị miễn nộp án phí sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại bản bào chữa gửi cho Tòa án, Trợ giúp viên pháp lý Hoàng Đức Hiếu bào chữa cho bị cáo Lương Văn Th nêu quan điểm: Nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo Lương Văn Th được hưởng mức án thấp nhất của hình phạt mà điều luật quy định để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm thành người công dân tốt; Đề nghị miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Nếu tại phiên tòa, giữa bị cáo và những người bị hại thỏa thuận được việc bồi thường, mức bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm thì đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó; Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì đề nghị HĐXX giải quyết yêu cầu của các bị hại theo quy định của pháp luật; Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo Th.

Bị cáo Th không trình bày lời bào chữa; bị cáo, bị hại không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Th xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2018 đến tháng 12/2020, do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nơi, Lương Văn Th nảy sinh ý định lừa đảo, nhận thi công các công trình cơ khí, cửa, hàng rào sắt và mái tôn và nhận cung ứng vật liệu xây dựng cho các hộ gia đình trên địa bàn xã Thanh Quân và xã Thanh Xuân sau đó ứng tiền mua vật liệu và chiếm đoạt số tiền này; Khi nhận được công trình, Th giả vờ tiến hành đo đạc, tính toán xem các công trình cơ khí, cửa, hàng rào sắt và mái tôn sẽ phải dùng hết bao nhiêu vật liệu nhằm tạo sự tin tưởng, sau đó Th nêu lên lý do là cần tiền mua vật liệu nên sẽ ứng trước một số tiền để mua vật liệu và chiếm đoạt số tiền ứng được; Th nêu ra một số lý do cho việc Th chưa thi công các công trình mái tôn là xe chở vật liệu đang bị sa lầy, chưa lên được, cần thời gian để thuê cầu xe lên, hoặc cửa hàng mua vật liệu đang hết hàng, chưa mua được vật liệu ...; Tất cả số tiền Th đã ứng, sau đó chiếm đoạt đều dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Quá trình điều tra xác định Th đã ứng, sau đó chiếm đoạt tổng số tiền của các hộ gia đình là 69.500.000đ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với nội dung của bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo Lương Văn Th là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi dùng thủ đoạn, hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sở hữu tài sản của bị hại, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhiều lần. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Bị cáo Lương Văn Th là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu lao động, làm ăn chân chính, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra hết sức manh động, táo bạo và nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của những người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình đối với quần chúng nhân dân địa phương.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo Lương Văn Th là người có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án; Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành Kh khai báo hành vi phạm tội; Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần nhỏ thiệt hại cho bị hại Vi Văn T; Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nêu trên, xét thấy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời việc cách ly xã hội đối với bị

cáo một thời gian là cần thiết. Nhưng khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân lương thiện.

[7] Xét bị cáo là đối tượng có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, giữa bị cáo và những người bị hại không thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại; Căn cứ vào yêu cầu bồi thường của các bị hại, căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và căn cứ vào khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bị hại, buộc bị cáo Th phải bồi thường cho những người bị hại các khoản tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, cụ thể buộc bị cáo Th phải bồi thường cho: Ông Vi Văn T 8.500.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường được 500.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 8.000.000 đồng; Anh Vi Văn L 10.000.000 đồng; Anh Vi Văn X 12.000.000 đồng; Ông Vi Đức H 10.000.000 đồng; Anh Lữ Văn Kh 8.000.000 đồng; Ông Hà Văn Ng 4.500.000 đồng; Anh Hà Văn S 2.000.000 đồng; Anh Lê Bá Ch 8.500.000 đồng; Anh Vi Văn T 3.500.000 đồng; Chị Vi Thị Th 2.500.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo Lương Văn Th thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí; Căn cứ vào đơn xin miễn nộp tiền án phí của bị cáo; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589, 351 và 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào: Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn Th 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lương Văn Th phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

Bồi thường cho ông Vi Văn T 8.500.000 đồng. Chấp nhận bị cáo đã bồi thường cho ông T được 500.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 8.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Vi Văn L 10.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Vi Văn X 12.000.000 đồng; Bồi thường cho ông Vi Đức H 10.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Lữ Văn Kh 8.000.000 đồng; Bồi thường cho ông Hà Văn Ng 4.500.000 đồng;

Bồi thường cho anh Hà Văn S 2.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Lê Bá Ch 8.500.000 đồng; Bồi thường cho anh Vi Văn T 3.500.000 đồng; Bồi thường cho chị Vi Thị Th 2.500.000 đồng.

Khi bản án có hiệu pháp luật, ông Vi Văn T, anh Vi Văn L, anh Vi Văn X, ông Vi Đức H, anh Lữ Văn Kh, ông Hà Văn Ng, anh Hà Văn S, anh Lê Bá Ch, anh Vi Văn T, chị Vi Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án đối với từng số tiền Lương Văn Th phải bồi thường, nếu Lương Văn Th không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì Lương Văn Th phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn Th.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND H.Như Xuân;
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT CA H.Như Xuân;
- CQTHAHS CA H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh